UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TÙNG CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Số: 18 /QD-UBND	*Tùng Châu, ngày 26 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách năm 2021

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ TÙNG CHÂU

Căn cứ vào Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2021/NQ - HĐND ngày 19/01/2021 của HĐND xã khóa I kỳ họp thứ 6 về việc phân bổ dự toán Thu - chi ngân sách xã năm 2021 ;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2021 (Theo các phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND - UBND xã; Ban tài chính xã; Các ban ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều; - Phòng Tài chính - KH; - Thường trực HĐND; - Chủ tịch,PCT UBND xã; - Lưu VP - TC.	**TM UỶ BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Ngọc Thơ**

UBND XÃ TÙNG CHÂU

Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Tr.đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**4.988,783**	**TỔNG SỐ CHI**	**4.988,783**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	295	I. Chi đầu tư phát triển	150
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	200,5	II. Chi thường xuyên	4.728,783
III. Thu bổ sung	4.493,283	III. Dự phòng	110
- Bổ sung cân đối	4.493,283		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn (Kết dư ngân sách)			

UBND XÃ TÙNG CHÂU

Biểu số 104/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị:Tr.đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NAM 2020 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2021		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**7.240,193**	**6.940,693**	**5.288,283**	**4.988,783**	**73,0%**	**71,9%**
I	**Các khoản thu 100%**	**290**	**290**	**295**	**295**	**101,7%**	**101,7%**
1	Phí, lệ phí	20	20	25	25	100%	125%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	180	180	270	270	150%	150%
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	90	90				
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**510**	**211**	**500**	**200,5**	**98,0%**	**95,2%**
1	Thuế GTGT - TNDN						
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
3	Thuế Tài nguyên	**25**	**5**	25	5	100%	100%
4	Thuế môn bài	**10**	**10**	5	3,5	50%	35%
5	Lệ phí trước bạ nhà, đất	**10**	**10**	10	10	100%	100%
6	Thuế phi nông nghiệp						
7	Tiền sử dụng đất	300	150	300	150	100%	100%
8	Thuế NQD HTX	160	32	160	32	100%	100%
9	Thuế NQD hộ cá thể	5	3,5				
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**6.440,193**	**6.440,193**	**4.493,283**	**4.493,283**	**69,8%**	**70%**
	- Thu bổ sung cân đối	6.440,193	6.440,193	4.493,283	4.493,283	69,8%	70%
	- Thu bổ sung có mục tiêu						

UBND XÃ PÙNG CHÁU

Biểu số 105/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Tr.đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2021			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**6.940,693**	**150,000**	**6.790,693**	**4.988,783**	**150**	**4.838,783**	71,9%	100%	71,3%
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	15		15	10		10	66,7%		66,7%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ						-			
3	Chi y tế	36		36	8		8	22,2%		22,2%
4	Chi Quốc Phòng	314		314	318,851		318,851			
5	Chi An Ninh	60		60	30		30			
6	Chi VHTT, TDTT và phát thanh, truyền hình	100		100	**50**		**50**	50%		50%
	Chi văn hóa, thông tin	30		30	20		20	67%		66,7%
	Chi phát thanh, truyền thanh	50		50	10		10	20%		20%
	Chi thể dục thể thao	20		20	20		20	100%		100%
7	Chi bảo vệ môi trường	80		80			-			
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.049,27		1.049,27	235,191		235,191	22,4%		22,4%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.584,392	150,000	4.434,392	3.764,841	150	3.614,841	82%	100%	81,5%

10	Chi cho công tác xã hội	445		445	337,876		337,876	75,9%		75,9%
11	Chi khác	46,162		46,162	23,024		23,024	50%		50%
12	Dự phòng ngân sách	110		110	110		110	100%		100%
13	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định	101		101	101		101	100%		100%

UBND XÃ TÙNG CHÂU

Biểu số 106/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Tr.đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2021	Dự toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**2.800**	**100**	**1.800**	**1.300**	**150**	**150**	**150**	
1. Công trình chuyển tiếp									
Chi XD trụ sở làm việc 2 tầng	7/2020 - 3/2021	2.800		1.800	1300	150	150	150	
2. Công trình khởi công mới									
-									
Trong đó: hoàn thành trong năm									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh